TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2026/DS-ST
Ngày: 06/5/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Long;

2. Ông Võ Văn Trung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 897/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2026/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Thanh T, sinh năm 1984, địa chỉ: Số H, đường số D, đường C, khu phố D, phường L, tỉnh Tây Ninh; Số CCCD: 072…….78, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị T là chị Vương Kim N, sinh năm 1997, địa chỉ: khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Xuân K, sinh năm: 1989, địa chỉ: Số G, tổ G, khu phố D, phường L, tỉnh Tây Ninh; Số CCCD: 072…….69 do Cục Cảnh sát về TTXH cấp; (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Hửu B, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số H, đường số D, đường C, khu phố D, phường L, tỉnh Tây Ninh; Số CCCD: 072…….03 do Cục C1 về TTXH cấp.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông B là chị Vương Kim N, sinh năm 1997, địa chỉ: khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – chị Vương Kim N trình bày:

Do có mối quan hệ là hàng xóm với nhau nên vào ngày 25/3/2025, chị T có cho chị Huỳnh Thị Xuân K vay số tiền 30.000.000 đồng, hẹn trong vòng 40 ngày sẽ trả tiền, chị K vay tiền để xử lý việc gia đình. Hình thức vay là trả góp hàng ngày 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, lãi suất vay là 6.000.000 đồng trên tổng số tiền 30.000.000 đồng trả góp dần 40 ngày.

Đến hạn trả tiền, chị T có liên hệ nhiều lần với chị K thì chị K né tránh và không trả tiền vay cho chị T như đã cam kết. Nay chị T yêu cầu chị K trả số tiền 30.000.000 đồng theo "Đơn vay tiền" ngày 25/01/2025 DL và lãi suất theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – chị Huỳnh Thị Xuân K trình bày:

Chị K và chị T là hàng xóm với nhau, chị K thừa nhận là có vay tiền của chị Đoàn Thị Thanh T là 30.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 25/01/2025 DL. Nhưng chị K đã trả góp trực tiếp cho chị T hàng ngày, mỗi ngày 900.000 đồng, góp trong vòng 40 ngày, chị xác định hiện tại chị chỉ còn nợ lại chị T số tiền là 500.000 đồng. Khi trả tiền cho chị T, chị K không có làm giấy tờ và bên chị T cũng không có ký nhận tiền vì chị và chị T giao dịch với nhau từ xưa đến nay đều như vậy.

Nay chị T yêu cầu chị trả số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật thì chị K không đồng ý. Vì chị K đã trả cho chị T được số tiền vay chỉ còn nợ lại của chị T 500.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Đoàn Hửu B và người đại diện theo uỷ quyền của ông B trình bày: ông B là cha của chị T, ông có biết chị T cho chị Kim M tiền nhưng không biết rõ cụ thể là bao nhiêu và ông cũng không có nhận bất cứ khoản tiền nào từ chị K trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40, Điều 68, Điều 93 đến 97, Điều 195, 196, 203, 206, Điều 208 đến 210, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc chị K có trách nhiệm trả cho chị T số tiền vay gốc là 23.000.000 đồng và lãi suất kể từ ngày 14/4/2025 dương lịch cho đến ngày xét xử.

- Chị T và chị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Đoàn Thị Thanh T khởi kiện bị đơn chị Huỳnh Thị Xuân K "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn là chị K có nơi cư trú tại khu phố D, phường L, tỉnh Tây Ninh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

[2] Về nội dung:

Chị T yêu cầu chị K trả số tiền vay là 30.000.000 đồng và lãi suất vay theo quy định pháp luật.

Bị đơn, chị K thừa nhận có vay của chị T số tiền 30.000.000 đồng, nhằm mục đích chi tiêu trong gia đình như "Đơn vay tiền" của chị T cung cấp nhưng chị K đã trả dần hàng ngày cho chị T, hiện chỉ còn nợ chị T số tiền là 500.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện, thấy rằng:

[2.2.1] Theo "Đơn vay tiền" đề ngày 25/01/2025 dương lịch (bản chính) do nguyên đơn cung cấp, có nội dung thể hiện chị K có vay của chị T số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 40 ngày, không thể hiện lãi suất vay.

Chị K thừa nhận có vay của chị T số tiền 30.000.000 đồng, nhằm mục đích

chi tiêu trong gia đình như "Đơn vay tiền" của chị T cung cấp. Chị K cung cấp cho Tòa án 02 tờ lịch có chữ của chị T ghi: tờ 01 (BL 33) ghi "30 -> 36/900", lấy 25DL/1/25, đóng 26DL/1/25; 40 ngày ->6/3DL mãng"; tờ 02 (BL 34) ghi: "còn 23.000.000 đồng; đóng 46 ngày; 01 ngày 500.000 đồng; bắt đầu từ 14/4/2025 đến 29/5";

Như vậy, theo chị K trình bày thì tờ lịch số 01 do chị T ghi có nội dung là: số tiền vay 30.000.000 đồng, số tiền phải trả là 36.000.000 đồng, mỗi ngày phải trả là 900.000 đồng, thời hạn trả là 40 ngày kể từ ngày 26/01/2025 đến 06/3/2025 mãn; tờ lịch số 02 có nội dung là còn 23.000.000 đồng, đóng 46 ngày, mỗi ngày 500.000 đồng, từ ngày 14/4/2025 đến ngày 29/5/2025 mãn.

Chị N thừa nhận 02 tờ lịch này do chị T ghi, nhưng trong 02 tờ lịch có nội dung khác nhau về số tiền phải trả góp hàng ngày và thời hạn trả góp. Chị N cho rằng tờ lịch số 2 (BL số 34) là của một khoản vay khác, nhưng không chứng minh được.

Chị K cho rằng đã trả cho chị T được số tiền 35.500.000 đồng và hiện chỉ còn nợ chị T số tiền 500.000 đồng, nhưng khi trả tiền cho chị T hàng ngày, chị Kim C đưa tiền, giữa chị T và chị K không ký giao – nhận tiền với nhau nên việc chị K cho rằng đã trả cho chị T được số tiền 35.500.000 đồng, chỉ còn nợ lại chị T 500.000 đồng là không có căn cứ chứng minh.

Chị T yêu cầu chị K trả số tiền vay 30.000.000 đồng nhưng chị K cung cấp cho Tòa án tờ lịch do chị T ghi số tiền còn lại là 23.000.000 đồng, đóng từ 14/4/2025 đến 29/5/2025 mãn (BL 34). Như vậy, có căn cứ thể hiện số tiền chị K còn nợ chị T là 23.000.000 đồng từ ngày 14/4/2025.

Do đó, có căn cứ thể hiện chị K còn nợ chị T số tiền là 23.000.000 đồng.

[2.2.2] Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ thời điểm vay đến khi xét xử của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là hợp đồng vay tài sản có lãi và hai bên đều thừa nhận là có thỏa thuận lãi suất khi vay nhưng lãi suất không được ghi trong giấy nợ, hai bên không xác định rõ lãi suất. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi theo quy định. Như vậy, chị K phải chịu lãi suất từ ngày 14/4/2025 cho đến nay: 23.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 15 tháng 11 ngày = 2.933.000 đồng.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị T phải chịu án phí đối số tiền không được Tòa án chấp nhận.

Chị K phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Thanh T đối với chị Huỳnh Thị Xuân K về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Chị Huỳnh Thị Xuân K có nghĩa vụ trả cho chị Đoàn Thị Thanh T số tiền 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng nợ gốc và 2.933.000 (Hai triệu chín trăm ba mươi ba nghìn) đồng tiền lãi. Tổng cộng là 25.933.000 (Hai mươi lăm triệu chín trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Xuân K phải chịu 1.296.000 (Một triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đoàn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 350.000 (Ba trăm năm mươi nghìn) đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009600 ngày 27/10/2025. Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn thừa là 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng theo biên lai trên.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND khu vực 10;
- THADS tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&TĐKT TA TN;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Hùng